ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH

Học viên được công nhận kết quả thi và cấp giấy chứng nhận hoàn thành khóa học Nghiệp vụ sư phạm Tiểu học & Trung học cơ sở Khóa 24, năm 2021

(Kèm theo Quyết định số: 209 /QĐ-ĐHTDM, ngày 22 tháng 01 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)

Stt	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	TLH SP	GDH	TC QL QT DH	PPDH THCS (KHXH)	PPDH THCS (KHTN)	PPDH TH (TV)	PPDH TH (TOÁN)	LO GIC HỌC	KN DH	PP NC KH GD	ƯD CN TT	TBC HT	Xếp loại
						3	3	2	1	1	1	1	2	3	2	1	20	
1	Nguyễn Thị	**Định**	28/10/1993	Thanh Hóa	Nữ	7	9	8.5	8	7.5	8	8.5	8.5	7	9	7	**8**	Giỏi
2	Lê Ngọc	**Dung**	14/10/1994	Bình Dương	Nữ	6	7	8	8	7	7	8	7	6	6.5	5	**6.8**	Trung bình khá
3	Đào Thị	**Duyên**	17/5/1997	Hà Tĩnh	Nữ	7	5	8	6.5	7.5	6	8	5	8	9	5	**6.9**	Trung bình khá
4	Trần Quang	**Hậu**	24/1/1999	Bình Dương	Nam	7	6	7.5	6	6	7.5	8	7	7	6	7.5	**6.8**	Trung bình khá
5	Ngô Ngọc	**Hiển**	5/1/1996	Bình Dương	Nam	5	7.3	6.5	6	5	5	8	6	6	8	6	**6.3**	Trung bình khá
6	Nguyễn Minh	**Hiếu**	20/11/1997	Bình Dương	Nam	6	5	8	6	6	6.5	8	6.5	6	8	8	**6.5**	Trung bình khá
7	Nguyễn Thị	**Hoài**	8/2/1993	Hà Tĩnh	Nữ	6	7	6.5	6.5	7.5	5.5	8.5	7.5	7	8	6.5	**6.9**	Trung bình khá
8	Trần Thị Mai	**Hồng**	31/5/1999	Bình Dương	Nữ	7	7	8	7	6	7.5	8	7.5	7	6.5	5.5	**7.1**	Khá
9	Bùi Quỳnh	**Hương**	24/11/1996	TP Hồ Chí Minh	Nữ	6	7	8	7.5	8	7.5	8.5	7	8	7.3	9.5	**7.4**	Khá
10	Dương Kim	**Hương**	8/1/1995	Bình Dương	Nữ	6	7	7	6.5	7	6	8	7	6	8	7	**6.8**	Trung bình khá
11	Nguyễn Thị Ngọc	**Huyền**	17/12/1993	Bình Dương	Nữ	7	8	7	6.5	7.5	7	8	7	7	6	6	**7.1**	Khá
12	Nguyễn Võ Ngọc	**Huyền**	23/1/1999	Bình Dương	Nữ	6	6	8	7	6.5	8	8	7	7	7.5	9	**7**	Khá
13	Trần Hoàng	**Minh**	30/12/1997	Đồng Nai	Nam	7	7	8	6.5	5.5	5.5	8	5.3	8	8	6	**7**	Khá
14	Nguyễn Thị Quế	**Minh**	27/9/1982	TP Hồ Chí Minh	Nữ	6	5	8	7	6.5	7	8	7	8	7.5	6	**6.8**	Trung bình khá
15	Trương Ngọc	**My**	22/5/1997	Tây Ninh	Nữ	8	6	7	7	7	7	8.5	5.8	6	5.4	8.2	**6.7**	Trung bình khá
16	Trần Nhật	**Nam**	31/3/1996	Bình Dương	Nam	7.5	7.5	7.5	8	6	8	8	5	7.5	8	7	**7.3**	Khá
17	Nguyễn Thị Phương	**Nga**	5/9/1997	Đăk Lăk	Nữ	8	7	7.5	7	5.5	7	8	7	7	8	9	**7.4**	Khá

Stt	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	TLH SP	GDH	TC QL QT DH	PPDH THCS (KHXH)	PPDH THCS (KHTN)	PPDH TH (TV)	PPDH TH (TOÁN)	LO GIC HỌC	KN DH	PP NC KH GD	ƯD CN TT	TBC HT	Xếp loại
						3	3	2	1	1	1	1	2	3	2	1	20	
18	Huỳnh Phan Ánh	Ngân	16/5/1998	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	7	7	7.5	7.5	7	6	8	8	7	7.5	9.5	7.4	Khá
19	Trần Lê Kim	Ngân	15/9/1996	TP Hồ Chí Minh	Nữ	6	9	7.5	7.5	7	6.5	8.5	7	7	8	5.4	7.3	Khá
20	Bùi Thị Bích	Ngọc	11/9/1999	Bình Dương	Nữ	6	7	8.5	7	7	8	8	7	7	7.5	9	7.3	Khá
21	Lê Văn	Nhất	21/7/1999	Quảng Ngãi	Nam	7	5	7.5	7	7.5	7.5	8	7.5	6	7	8	6.8	Trung bình khá
22	Lê Hoàng Lan	Nhi	24/5/1997	Bình Dương	Nữ	6	7	7.5	7.5	5.5	7	8	7	8	7.4	9.5	7.2	Khá
23	Trần Huyền	Như	15/2/1999	Bình Dương	Nữ	7	6	8	7	7	7.5	8	7.5	7	7.3	8.5	7.2	Khá
24	Nguyễn Thùy	Nhung	3/2/1998	Bình Dương	Nữ	9	6	8	8	6	7.5	8.5	6.2	5	6.8	8.3	7	Khá
25	Lý Kim	Phát	15/9/1999	Bình Dương	Nam	6	7	6.5	7	6	7.5	8	7	7	6.8	9	6.9	Trung bình khá
26	Lê Thị Thanh	Phương	7/9/1998	Đồng Nai	Nữ	8	9	8.5	7	7	7	8.5	7	6	6.9	7.7	7.6	Khá
27	Dương Thịnh	Quí	14/5/1997	Bình Dương	Nữ	6	9	7	7	8	6.5	8	8	7	6	9	7.3	Khá
28	Bùi Lệ	Quyên	8/1/1987	Hà Nam	Nữ	6	7	8	6.5	6	5.5	8	9.3	8	8.3	7.5	7.4	Khá
29	Lê Diễm	Quỳnh	8/10/1994	Bình Dương	Nữ	7	8	8.5	8	7.5	7.5	8	8.5	8	6.5	7	7.7	Khá
30	Trần Thị Thanh	Tâm	23/1/1999	TP Hồ Chí Minh	Nữ	6	7	7	6.5	7	6.5	8	7	9	7.5	9	7.3	Khá
31	Trần Thanh	Thông	15/12/1996	TP Hồ Chí Minh	Nam	6	8	7	7.5	7	7.5	8.5	7	7	7	6	7.1	Khá
32	Nguyễn Thị Diễm	Thu	26/3/1999	Đồng Tháp	Nữ	5	5	7.5	7.5	6.5	7'	8	5	7	6.5	5	6.2	Trung bình khá
33	Nguyễn Minh	Thuận	8/7/1996	Bình Dương	Nam	6	7.4	7.5	6.5	6.5	6	8	5	7	6.9	7	6.7	Trung bình khá
34	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	18/10/1999	Đăk Lăk	Nữ	7	6	7.5	7.5	8	7.5	8	8	7	7.5	7.1	7.2	Khá
35	Lê Thị Ngọc	Trâm	4/10/1993	Bình Dương	Nữ	7	8	6.5	6.5	8	7	8.5	5	7	8	7	7.1	Khá
36	Nguyễn Huyền	Trân	15/10/1997	Cà Mau	Nữ	6	6	7	7.5	7.5	7.5	8.5	5.5	7	5.8	7.5	6.6	Trung bình khá
37	Nguyễn Thùy Mỹ	Trinh	29/9/1999	Bình Dương	Nữ	6	9	7.5	8	7.5	5.5	8	7	8	7.5	7	7.5	Khá
38	Đào Nguyễn Mai	Trinh	15/1/1996	Bình Dương	Nữ	7	8	7	7.5	8	7.5	8.5	6	8	5.9	7	7.3	Khá
39	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	20/10/1999	Bình Dương	Nữ	6	7	8	7	7	5.5	8	7	7	7.5	5	6.9	Trung bình khá
40	Nguyễn Hữu	Trung	22/6/1991	Bình Dương	Nam	7	8	6.5	7.5	7.5	6.5	8.5	7	8	7	9.5	7.5	Khá
41	Nguyễn Huỳnh Minh	Tú	13/10/1996	Bình Dương	Nam	7.5	7	7.5	8	6	8	8	5.5	7.5	7.5	8	7.3	Khá
42	Trương Anh	Tú	13/1/1996	Bình Dương	Nam	6	7	7.5	8	7.5	7.5	8.5	7	8	7.3	9	7.4	Khá

Stt	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	TLH SP	GDH	TC QL QT DH	PPDH THCS (KHXH)	PPDH THCS (KHTN)	PPDH TH (TV)	PPDH TH (TOÁN)	LO GIC HỌC	KN DH	PP NC KH GD	ƯD CN TT	TBC HT	Xếp loại
						3	3	2	1	1	1	1	2	3	2	1	20	
43	Đặng Đình Nhật	**Văn**	7/2/1994	Đồng Nai	Nam	5	7	8	6	5.5	6	8	6.5	8	7.5	8	**6.9**	Trung bình khá
44	Trần Thu	**An**	19/10/1995	Bình Dương	Nữ	6.3	8	7.5	7.5	7.5	7	8.5	8	8	8	7.6	**7.6**	Khá
45	Nguyễn Thị Mỹ	**Nhung**	22/1/1997	Bình Phước	Nữ	7	5	6.5	7.5	6.5	7.5	9	7.5	7	7	7.5	**6.9**	Trung bình khá
46	Nguyễn Thị	**Thủy**	7/6/1997	Hà Tĩnh	Nữ	5	5	7.5	7.5	6.5	8.5	9	6.3	8	7.6	7.3	**6.8**	Trung bình khá
47	Trần Thành	**Được**	7/2/1992	Bình Dương	Nam	9	9	8.9	8	7.5	8	8.5	9.1	7	8	9	**8.4**	Giỏi
48	Nguyễn Đặng Thanh	**Thảo**	22/6/1996	Bình Phước	Nữ	7	9	7.5	7	6	8	8	7.3	7	6.7	8.4	**7.5**	Khá
49	Đặng Thị Thu	**Thảo**	1/8/1994	Bình Dương	Nữ	6	5	6.3	8	6	8	8.5	8	6	8	8	**6.7**	Trung bình khá

Danh sách này có 49 học viên.

Trong đó:

Loại Giỏi có 2 học viên, chiếm 4,1% trên tổng số

Loại Khá có 28 học viên, chiếm 57,1%% trên tổng số

Loại Trung bình khá có 19 học viên, chiếm 38,8% trên tổng số.

Bình Dương, ngày 22 tháng 01 năm 2021

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN

ThS. Phan Nguyễn Hồng Diễm

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

TS. Nguyễn Quốc Cường